



yī chǎng kōng
一场空

noun phrase · all in vain; nothing achieved

Example Sentence

tā máng le bàn nián zuì hòu què shì yì chǎng kōng
他忙了半年，最后却是一场空。

He was busy for half a year, but in the end it was all in vain.

Trace each character, then write the word on your own.

一	一	一	一																
场	场	场	场	场	场	场	场	场	场										
空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空	空				